TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **409**/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 13 - 5 - 2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhung
Bà Ngô Thị Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2019/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1735/2018/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1665/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lương Đình H, sinh năm 1984 (có mặt)
Địa chỉ: phường G, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Thanh V, sinh năm 1984 (có mặt)
Địa chỉ: Phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà Đỗ Thị Thanh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là ông Lương Đình H trình bày:

Ông kết hôn với bà Đỗ Thị Thanh V vào năm 2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 06/2011, quyển số: 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường S, quận X, thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/01/2011. Năm 2016 ông và bà V phát sinh

mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và sinh hoạt, mâu thuẫn về việc chăm lo gia đình, con cái, thường hay cãi nhau. Vợ chồng đã nộp đơn ly hôn 3 lần tại Tòa án nhân dân quận B vào tháng 7/2017, tháng 3/2018 và tháng 6/2018 nhưng sau đó đã rút đơn lại để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Từ tháng 6/2018 đến nay hai người sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và tình cảm vợ chồng không còn nên ông H tiếp tục làm đơn yêu cầu được ly hôn với bà V.

Ông và bà V có 2 con chung là Lương Bảo A (nữ), sinh ngày 09/01/2013 và Lương Bảo N (nữ), sinh ngày 10/03/2015, hiện tại ông H đang nuôi dưỡng. Ông H yêu cầu được nuôi con Bảo N, giao bà V nuôi con Bảo A, không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là bà Đỗ Thị Thanh Vượng trình bày:

Bà xác nhận thời gian đăng ký kết hôn, con chung đúng như ông H trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng, bà V thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, do khi bà V đi làm không có thời gian chăm lo cho con cái, tài chính gia đình không ổn định và một phần do bà bị trầm cảm sau sinh nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn; Tuy nhiên, theo bà thì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức độ trầm trọng, do vậy bà V không đồng ý ly hôn.

Về con chung bà V yêu cầu được nuôi cả 2 con, yêu cầu ông H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con 30.000.000 đồng/tháng (15.000.000 đồng/ con/tháng), đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con ngay trong 5 năm.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản án số 1735/2018/HNGĐ-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân quận B Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân : Chấp nhận cho ông Lương Đình H được ly hôn với bà Đỗ Thị Thanh V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2011, quyển số: 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường S, quận X, thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/11/2011 không còn giá trị.

Về con chung có 02 con:

Lương Bảo A, sinh ngày 09/01/2013.

Lương Bảo N, sinh ngày 10/03/2015.

Giao ông Lương Đình H được quyền trực tiếp nuôi cháu N, giao bà Đỗ Thị Thanh V được quyền trực tiếp nuôi cháu A. Phần cấp dưỡng nuôi con không bên nào phải đóng góp.

Ông H, bà V có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Hai ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết

Nợ chung: Hai ông bà cùng xác nhận không có.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 29/11/2018 bà Đỗ Thị Thanh V là bị đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người kháng cáo là bà Đỗ Thị Thanh V đồng thời là bị đơn trong vụ án trình bày: Bà thừa nhận vợ chồng bà có mâu thuẫn xuất phát từ việc kinh doanh của ông H, bà và ông H nộp đơn xin ly hôn nhiều lần xuất phát từ việc cả hai đều không biết bà V bị bệnh trầm cảm sau sinh và một phần cũng có áp lực về tài chính gia đình; từ tháng 6 năm 2018 đến nay bà và ông H không sống chung, bà sống ở Quận K, ông H sống ở Quận 7, mỗi người đang nuôi 01 con, bà không đến thăm ông H vì ông không đồng ý cho bà đến, nhưng bà không đồng ý ly hôn vì theo bà thì gia đình bà vẫn đang sống hạnh phúc, bà đã sinh cho ông H 02 đứa con, điều đó thể hiện tình yêu của bà với ông H, giờ bà vẫn thương ông H và muốn các con có đủ cha mẹ, do đó bà kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý ly hôn, đề nghị tòa án tạo điều kiện về thời gian để hàn gắn gia đình.

Hiện nay bà đang nuôi con Bảo A, ông H nuôi con Bảo N, nếu phải ly hôn, về con chung bà yêu cầu được nuôi cả 2 con vì cả hai là con gái, sống với mẹ sẽ tốt hơn; bà đang làm cộng tác viên cho Công ty môi giới bất động sản E Việt Nam theo hợp đồng cộng tác viên ngày 29/11/2017 nhưng hiện chưa có thu nhập, mẹ con bà vẫn sống bằng số tiền 2.000.000.000 đồng tiền được ông H chia do bán nhà ở quận B, bà có chỗ ở, có thời gian chăm sóc con.

Về tài sản chung: bà không đồng ý ly hôn nên không trình bày và không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này; Về nợ chung: bà xác định bà không nợ ai, còn ông H có nợ ai không bà không biết.

- Nguyên đơn là ông Lương Đình H trình bày:

Quá trình chung sống vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 do bà V không chăm lo gia đình con cái; Về tài chính gia đình, thời gian chung sống ông vẫn gánh vác không để bà V phải lo. Tháng 7/2017 bà V đơn phương xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn và đã cùng gia đình khuyên nhủ bà V để

giữ hạnh phúc gia đình, tòa án cũng động viên, hòa giải nên ngày 27/10/2017 bà V rút đơn ly hôn để hàn gắn, vụ án được tòa đình chỉ nhưng sau đó bà V vẫn không chăm lo cho các con, bỏ mặc cho ông tiếp tục chăm sóc con hoàn toàn.

Sau lần xin ly hôn này ông và bà V còn tiếp tục ra tòa thuận tình ly hôn thêm 2 lần nữa, nhưng đến khi tòa sắp ra quyết định thì bà V lại đổi ý, rồi lại rút đơn về để hàn gắn và tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Ông từng đưa bà V đi khám, chữa bệnh trầm cảm, khuyên nhủ bà V để giữ gia đình nhưng đây không phải là nguyên nhân dẫn đến việc ông phải ly hôn mà là do tính cách của bà V, giữa ông và bà V sau nhiều năm tháng bất đồng cách sống, bà V không chăm lo gia đình con cái, tính cách quan điểm sống khác biệt nên giờ ông không còn tình cảm với bà V, không thể chịu đựng thêm tình trạng này, tháng 8 năm 2018 ông quyết định đơn phương xin ly hôn sau khi bán nhà chia cho bà V 2.000.000.000 đồng. Từ tháng 6 năm 2018 đến nay cả hai sống ly thân nhau, mỗi người đã có cuộc sống riêng của mình, ông và bà V chỉ nói chuyện với nhau về con chung, từ đầu năm 2019 đến nay hai bên không còn nói chuyện với nhau nữa. Nay ông dứt khoát xin ly hôn để cả hai cùng ổn định cuộc sống và chăm lo cho các con, đề nghị tòa giữ nguyên án sơ thẩm.

Đối với việc bà V kháng cáo yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con Bảo A số tiền 10.000.000 đồng/tháng ông không có khả năng. Hiện nay ông đi làm lương tháng khoảng 7.000.000 đồng, ngoài ra ông có ký hợp đồng cho thuê đặt trạm thu phát sóng viễn thông tại nhà được thêm 13.000.000 đồng/tháng, tổng thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng nhưng ông còn phải lo cuộc sống và nuôi con nhỏ Bảo N nên không thể cấp dưỡng nuôi con Bảo A như mức bà V yêu cầu. Ông đồng ý cấp dưỡng thêm cho bà V nuôi con Bảo A số tiền 2.000.000 đồng/tháng, phần ông tiếp tục nuôi con Bảo N, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con; Nếu bà V có khó khăn trong việc nuôi con và không đồng ý với phương án này, ông yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu bà V phải cấp dưỡng nuôi con vì ông có đủ trình độ, có chỗ ở, thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc con, có sự giúp đỡ của ông bà nội và thời gian qua dù không có bà V ông vẫn chăm sóc con tốt.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này. Về nợ chung: không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật; về hình thức đơn kháng cáo của bà V còn trong hạn luật định nên hợp lệ; về nội dung kháng cáo: Xét thấy ông H bà V chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 do bà V không chăm sóc con cái, gia đình, bỏ mặc 2 con cho ông H chăm sóc, bất đồng quan điểm sống. Tháng 6 năm 2018 đến nay đôi bên đã sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, ông H bà V

cũng đã nhiều lần ra tòa xin ly hôn và rút đơn ly hôn để hàn gắn nhưng không có kết quả, nay ông H xác định không còn tình cảm với bà V và dứt khoát xin ly hôn vì vậy bản án sơ thẩm xử cho ông H ly hôn bà V là có căn cứ; về con chung: xét thấy hiện nay ông H đang nuôi con Bảo Ngọc, bà V nuôi con Bảo An cũng đã ổn định, bà V lại đang có bệnh trầm cảm nếu nuôi cả 02 con thì rất khó khăn vất vả nên án sơ thẩm giao mỗi người nuôi 01 con là phù hợp; ông H đồng ý cấp dưỡng thêm 2.000.000 đồng cho bà V để nuôi con Bảo A là có lợi cho mẹ con bà V nên cần ghi nhận; tài sản chung hai bên không yêu cầu tòa giải quyết trong vụ án này, nợ chung hai bên khai không có. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà V, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị Thanh V làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí theo quy định, hợp lệ về hình thức, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ông H và bà V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, quận X, thành phố Hải Phòng ngày 26/01/2011 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06/2011, quyển số 01/2011 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của ông H thì ông và bà V phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 đến nay do bất đồng quan điểm sống, bà V không chăm sóc cho con cái, gia đình, bỏ mặc cho ông H lo. Bà V thì cho rằng việc này do bà có bệnh trầm cảm sau sinh mà cả hai vợ chồng không biết, áp lực tài chính gia đình…, bà thừa nhận vợ chồng bà cũng có mâu thuẫn liên quan đến việc kinh doanh của ông H nhưng không đến mức phải ly hôn. Tại tòa phúc thẩm, ông H cung cấp chứng cứ là "Bản cam kết" ngày 20/3/2018 do ông H viết (bà V xác nhận tại tòa ngày 03/5/2019), bà V cung cấp chứng cứ là "Văn bản tự thỏa thuận và cam kết" giữa ông H và ông Lương Đình Y ngày 26/12/2013 và "Văn bản thỏa thuận xác định tài sản riêng" ngày 26/4/2018 tại Phòng công chứng số M, Thành phố Hồ Chí Minh để chứng minh cho lời khai của mình. Căn cứ quy định tại Điều 19, Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, trông nom nuôi dưỡng, giáo dục con để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo, người công dân có ích cho xã hội; Xét thấy căn cứ quy định trên, các chứng cứ ông H bà V cung cấp thể hiện giữa ông

H và bà V thiếu sự tin tưởng lẫn nhau về vấn đề tài sản, kinh doanh và một phần do bà V cũng đã không làm tròn nghĩa vụ đối với gia đình mình, dẫn đến cuộc sống gia đình có mẫu thuẫn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V cũng thừa nhận từ tháng 6 năm 2018 đến nay bà và ông H đã sống ly thân, mỗi người mỗi nơi, bà đang nuôi con Bảo An, ông H nuôi con Bảo Ngọc, ông H nói không còn tình cảm với bà nhưng bà vẫn còn thương ông H, theo bà thì gia đình bà vẫn đang hạnh phúc, chỉ là tạm xa nhau thôi nên bà xin tòa cho thêm thời gian hàn gắn lại gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ vợ chồng muốn hạnh phúc cần được xây dựng trên cơ sở tình cảm và sự tự nguyện từ hai phía, nay ông H xác định không còn tình cảm với bà V và khai rõ ông và bà V chỉ nói chuyện với nhau về con chung, từ đầu năm 2019 đến nay hai bên không còn nói chuyện với nhau nữa; Bà V cũng thừa nhận từ tháng 6 năm 2018 đến nay bà và ông H đã sống riêng mỗi người một nơi, ông H không cho bà đến nhà ông nên từ đó đến nay bà không đến thăm ông H và ngược lại. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, nay gia đình bà V chia hai, ông H bà V mỗi người sống mỗi nơi, nên nếu bà V còn thương ông H thì cũng chỉ là tình cảm đơn phương một phía và với tình trạng này mà bà V cho rằng gia đình bà vẫn đang hạnh phúc thì nhận định của bà V có phần thiếu thuyết phục. Theo hồ sơ thể hiện thì tháng 7 năm 2017 bà V đơn phương xin ly hôn với ông H, vụ án được Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết, đến ngày 30/10/2017 thì đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn là bà V rút đơn kiện. Sau lần ly hôn này, ông H bà V còn 02 lần đến Tòa án nhân dân quận B yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn vào tháng 3/2018 và tháng 6/2018, sau đó lại rút đơn về và Tòa án tiếp tục đình chỉ giải quyết vụ án thêm 02 lần nữa. Tháng 8 năm 2018, ông H đơn phương xin ly hôn, vụ án được giải quyết đến hôm nay. Như vậy, đây là lần thứ tư tòa án giải quyết việc ly hôn giữa bà V và ông H, hai bên từng nhiều lần rút đơn ly hôn, thời gian từ lần ly hôn đầu đến nay đã gần 02 năm, có đủ thời gian để cả hai cùng suy nghĩ, hàn gắn gia đình nhưng kết quả không có gì thay đổi, mỗi người nay đã có cuộc sống riêng, ông H vẫn dứt khoát xin ly hôn, điều này thể hiện mâu thuẫn giữa ông H bà V là có thật, đã đến mức độ trầm trọng và kéo dài đến nay không giải quyết được; bà V không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào hữu hiệu để cải thiện quan hệ giữa hai vợ chồng, hai bên không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bản án sơ thẩm xử cho ông H ly hôn bà V là có căn cứ.

Về con chung: căn cứ lời khai của ông H bà V và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì ông H bà V cùng có đủ trình độ để nuôi dạy con, có chỗ ở ổn định, có thời gian chăm sóc con và tình cảm đối với con như nhau; tuy nhiên về mặt thu nhập thì thu nhập của ông H có phần ổn định hơn bà V, hiện nay ông H đang nuôi con Bảo N, bà V nuôi con Bảo A cũng đã ổn định; bà V lại đang có bệnh trầm cảm, việc giao mỗi người nuôi 01 con vừa giảm nhẹ gánh nặng cho bà V,

vừa tạo điều kiện cho bà V có thời gian điều trị bệnh, do đó án sơ thẩm giao mỗi người nuôi 01 con là hợp tình, hợp lý cần được giữ nguyên.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, ông H đồng ý cấp dưỡng cho bà V 2.000.000 đồng/tháng để bà nuôi con Bảo A là có lợi cho mẹ con bà V và phù hợp đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: ông H bà V không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, do đó hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Về nợ chung hai bên xác định không có. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bà V, sửa một phần bản án sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và về việc cấp dưỡng nuôi con ông H phải chịu, theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà V không phải chịu án phí, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147, Điều 148, Điều 306 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ;

- Căn cứ vào các Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 ;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị Thanh V về mặt hình thức.

* Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị Thanh V. Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1735/2018/HNGĐ-ST ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân quận B Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lương Đình H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Đình H được ly hôn với bà Đỗ Thị Thanh V.

- Về con chung:

+ Giao cho bà Đỗ Thị Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lương Bảo A (nữ), sinh ngày 09/01/2013. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Bảo A số tiền 2.000.000 đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng nuôi con ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Giao cho ông Lương Đình H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lương Bảo N (nữ), sinh ngày 10/03/2015. Ông H không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: không có.

2. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chưa thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con như trên thì hàng tháng ông H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Ông Lương Đình H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA 2018/0030259 ngày 06/09/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận

B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm bà V không phải chịu, hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp cho Vượng là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0030576 ngày 29/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận B;
- TAND quận B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/18).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương